TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101826868
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.24 20:45:01+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.0

TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số: /TTr-HĐQT.V

DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022; Đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao, tiền lương HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS) và Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022 của Tổng công ty EMS,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao, tiền lương HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:

1. Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022

1.1. Một số chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
1	**Tổng tài sản**	**819,760**	**726,565**
2	**Vốn chủ sở hữu**	**272,077**	**308,650**
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	179,998	209,994
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	24,029	26,585
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68,050	72,071

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cách tính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**	**(a)**	**2,495,606**	**2,235,889**	**89.59%**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(b)	-	-	
3	Doanh thu thuần	(c=a-b)	2,495,606	2,235,889	89.59%
4	**Giá vốn cung cấp dịch vụ**	**(d)**	**2,022,183**	**1,864,407**	**92.20%**

5	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**	**(e=c-d)**	**473,423**	**371,482**	**78.47%**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	(f)	4,776	7,372	154.36%
7	Chi phí tài chính	(g)	1,778	2,650	149.01%
8	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	(h)	390,311	286,641	73.44%
9	**Lợi nhuận hoạt động kinh doanh**	**(i=e+f-g-h)**	**86,109**	**89,564**	**104.01%**
10	Thu nhập khác	(k1)	283	231	81.54%
11	Chi phí khác	(k2)	-	263	-
12	Lợi nhuận khác	(k=k1-k2)	283	-32	-11.45%
13	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	(l=i+k)	**86,392**	**89,531**	**103.63%**
14	Thuế TNDN hiện hành	(m)	18,344	18,184	99.13%
15	**Lợi nhuận sau thuế**	(p=l-m)	**68,047**	**71,348**	**104.85%**

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

2.1. Phương án đề xuất

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
1	**Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022**	**89,531,388,074**	**(a)**	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,183,880,220	(b)	
3	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022	71,347,507,854	(c=a-b)	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2021	723,445,482	(d)	
5	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2022**	**72,070,953,336**	**(e=c+d)**	
5.1	Trả thù lao cho HĐQT và BKS	501,120,000	(f)	Theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ/EMS ngày 28/04/2022 của ĐHĐCĐ TCT EMS.
5.2	Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 20%/cổ phần thực tế lưu hành	41,998,880,000	(g) = 20% x 20,999,440 x 10,000	Tăng thêm 10% so với Tỷ lệ cổ tức kế hoạch năm 2022 (10%) đã được ĐHĐCĐ TCT EMS thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ/EMS ngày 28/04/2022.
5.3	**Lợi nhuận còn lại**	**29,570,953,336**	**(h=e-f-g)**	
a	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành bằng 1.0 tháng lương bình quân thực hiện	363,700,000	(i)	Căn cứ kết quả thực hiện

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
	của cán bộ quản lý			chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2022 của TCT EMS và Quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.
b	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 1.0 tháng lương thực hiện của CBCNV	28,245,000,000	(j)	
c	Trích Quỹ đầu tư phát triển	962,253,336	(k)=(h-i-j)	

3. Thù lao, tiền lương HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Căn cứ mức thù lao kế hoạch của HĐQT và BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt quyết toán thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:

- Thù lao của HĐQT và BKS (không bao gồm cán bộ chuyên trách) thực hiện năm 2022 là 501,120,000 đồng.

- Thù lao của HĐQT và BKS (không bao gồm cán bộ chuyên trách) kế hoạch năm 2023 là 414,720,000 đồng.

- Tiền lương kế hoạch năm 2023 của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách là 37,500,000 đồng/tháng.

Chi tiết như sau:

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2022		Thực hiện năm 2022		Đề xuất KH năm 2023	
		Số lượng (người)	Số tiền (đồng)	Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)	Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)
I	**Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm**		**673,920,000**		**501,120,000**		**414,720,000**
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000	0.3	11,880,000		
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	9,720,000	2.3	9,720,000	2	9,720,000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000	2	7,560,000	2	7,560,000
II	**Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách**	**1**	**44,250,000**	**1**	**37,500,000**	**1**	**37,500,000**

Thuyết minh:

- Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách kế hoạch năm 2023 được xác định căn cứ theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH đồng thời giữ nguyên hệ số phân bổ mức thù lao cho các chức danh như năm 2022.

- Mức lương kế hoạch năm 2023 của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách giữ nguyên theo quy định hiện hành, bằng 2.5 lần tiền lương bình quân kế hoạch của CBCNV là 15,000,000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu HĐQT.

Nguyễn Xuân Lam

TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-HĐQT.V	*Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Tổng công ty chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty EMS đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty EMS như sau:

1. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung

Ngày 11/01/2022, Quốc Hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 liên quan đến điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản họp HĐQT được thông qua. Luật 03/2022/QH15 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2022.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty EMS, HĐQT đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại các văn bản này cho phù hợp với quy định pháp luật nêu trên.

Nội dung chi tiết các sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty EMS được trình bày tại mục 2 Tờ trình này.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

2.1 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty EMS

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm d, Khoản 1, Điều 1. Giải thích thuật ngữ	d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm**;
2	Khoản 1, Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông dự họp thông qua**.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp thông qua**.
3	Khoản 1, Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
		ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.	e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
4	Khoản 2, Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.
5	Điểm g, Khoản 1, Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên **tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp**;	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng **trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp**;

2.2 Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị cũ sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm c, Khoản 1, Điều 2. Giải thích thuật ngữ	c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm**;

2	Tiết (vii), điểm a, Khoản 12, Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	(vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên **tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp**;	(vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng **trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp**;
3	Khoản 1, Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông dự họp tán thành** trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
4	Khoản 2, Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc**

		tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.	**họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.
5	Khoản 2, Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.**

2.3 Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm j, Khoản 1, Điều 1. Các định nghĩa	j) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	j) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm**;

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi, bổ sung
2	Khoản 2, Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty EMS xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu HĐQT.

Nguyễn Xuân Lam

TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-HĐQT.V	*Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Tổng công ty chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 thông qua và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/4/2022,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS như sau:

Hiện nay trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty EMS số 165497/22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2022 đang đăng ký 39 ngành nghề kinh doanh. Tuy nhiên do nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty EMS, đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng, sau khi rà soát Danh mục ngành nghề kinh doanh mà Tổng công ty EMS đã đăng ký, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phương án sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung ngành ngề kinh doanh:

- Bổ sung thêm 23 ngành nghề kinh doanh có liên quan kinh doanh liên quan các dịch vụ phân phối, bán buôn, bán lẻ hàng hóa (Phụ lục 01)

- Bỏ chi tiết ngành nghề đối với mã ngành 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Phụ lục 02)

Danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS sau khi sửa đổi, bổ sung chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm.

2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty thực hiện thủ tục điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật; cập nhật nội dung liên quan đến điều chỉnh và bổ sung

ngành, nghề kinh doanh vào Điều lệ Tổng công ty, các giấy tờ/văn bản liên quan theo quy định của Pháp luật; và thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu HĐQT.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Lam

Phụ lục 01: Danh mục 23 ngành nghề kinh doanh đề xuất bổ sung

STT	Tên ngành	Mã ngành	Lý do bổ sung
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
2	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
3	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt. - Bán buôn thủy sản. - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác	4632	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
4	Bán buôn đồ uống	4633	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
5	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
6	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
7	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
9	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
10	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
11	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
12	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
13	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
14	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh

15	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
16	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
17	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
18	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
19	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
20	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
21	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
22	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh
23	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh

Phụ lục 02: Sửa đổi chi tiết ngành nghề

STT	Tên ngành	Mã ngành	Lý do sửa đổi
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông;	4669	Bỏ chi tiết ngành nghề để mở rộng lĩnh vực kinh doanh

Phụ lục 03: Danh mục ngành nghề kinh doanh sau khi sửa đổi, bổ sung

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế: Dịch vụ chuyển phát nhanh EMS, dịch vụ chuyển phát trong ngày, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng nặng, hàng cồng kềnh và các sản phẩm khác;	5320 (Chính)
2	Bưu chính	5310
3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4	Dịch vụ đóng gói	8292
5	Bốc xếp hàng hóa	5224
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
9	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	5022
10	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
11	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
12	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
14	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622

15	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử; Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử; Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet; Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
16	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
17	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
19	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, y tế	4659
25	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; Thiết lập trang thông tin điện tử, mạng xã hội; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ viễn thông cơ bản; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng	6190
26	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;	6810
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Cung cấp dịch vụ xử lý báo cáo văn bản và sao chép tốc ký	8299

	- Chú thích thời gian thực trình chiếu chương trình truyền hình trực tiếp các cuộc họp - Địa chỉ mã vạch; - Dịch vụ sắp xếp thư; hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	
30	Cho thuê xe có động cơ.	7710
31	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. (Trừ đấu giá)	4511
32	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). (Trừ đấu giá)	4512
33	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. (Trừ đấu giá)	4513
34	Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo.	7310
35	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.	7120
36	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	3312
37	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
38	Cổng thông tin. (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
39	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
40	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.	4649
41	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.	4631
42	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt. - Bán buôn thủy sản. - Bán buôn rau, quả . - Bán buôn cà phê. - Bán buôn chè. - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
43	Bán buôn đồ uống.	4633

44	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.	4634
45	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.	4641
46	Bán mô tô, xe máy. (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
47	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
48	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
49	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
50	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
54	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764
56	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
57	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
58	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
60	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
62	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662

TỔNG CÔNG TY
CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN

Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần Nhiệm kỳ 2023-2028

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty EMS đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/04/2021;
- Căn cứ kết quả tiếp nhận hồ sơ đề cử ứng cử viên bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ 2023-2028, tính đến hết 17h00 ngày 18/04/2023;

Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua một số nội dung liên quan đến việc bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

1. Thông qua số thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ 2023-2028 là 03 (ba) thành viên.
2. Thông qua nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ 2023-2028 là 05 (năm) năm (từ năm 2023 đến năm 2028).
3. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ 2023-2028 thông qua việc đề cử, ứng cử hợp lệ gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ tên ứng cử viên	Hình thức		Cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử	
		Ứng cử	Đề cử	Tên cổ đông/nhóm cổ đông	% số cổ phần có quyền biểu quyết
1					
2					
3					

(Thông tin chi tiết về các ứng cử viên được đính kèm theo Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Lam

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu HĐQT.

TỔNG CÔNG TY
CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 – 2028

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên và ổn định hoạt động kinh doanh;

Để chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần (Tổng công ty), Hội đồng quản trị Tổng công ty xin thông báo tới các cổ đông Quy định cụ thể về việc ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS) Tổng công ty Nhiệm kỳ 2023 – 2028 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty như sau:

I. Số lượng thành viên BKS Nhiệm kỳ 2023 – 2028: 03 (ba) thành viên.

II. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS

1. **Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS**

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty EMS;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty EMS; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty EMS;

e. Không thuộc các trường hợp sau:

(i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty EMS;

(ii) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

f. Thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty;

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

III. Ứng cử, đề cử ứng viên BKS

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (căn cứ theo Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 chốt ngày 15/03/2023) có quyền đề cử người vào BKS. Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT.

2. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên BKS.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên BKS.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên BKS.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên BKS.

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên BKS.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử. Các ứng cử viên do BKS đương nhiệm đề cử phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS quy định tại Quy định đề cử, ứng cử.

4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào BKS bao gồm:

- Giấy ứng cử/đề cử ứng viên tham gia BKS (theo mẫu);
- 03 Bản cung cấp thông tin do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao công chứng: Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt Kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

Giấy ứng cử/đề cử ứng viên tham gia BKS và Bản cung cấp thông tin theo mẫu được đăng tải trên website của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần theo địa chỉ sau: http://ems.com.vn.

5. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông, Ban tổ chức sẽ lập danh sách các ứng viên BKS đáp ứng đủ điều kiện như quy định để Đại hội đồng cổ đông bầu vào BKS Nhiệm kỳ 2023-2028.

Kính đề nghị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào BKS phải gửi hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 trước **17h00 ngày 18/04/2023** về địa chỉ sau:

Ban Tổ chức Cán bộ - Lao động.

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty Cổ phần.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, ngõ 5 đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.37574499 - Fax: 024.37576752.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Lam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆM KỲ 2023-2028

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty Cổ phần

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông hiện nắm giữ..... cổ phần, chiếm ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, danh sách chi tiết gồm:

STT	Tên cổ đông	CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN (Số, Nơi cấp, Ngày cấp)	Địa chỉ thường trú/Trụ sở	Cổ phiếu sở hữu (*)	
				Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng cộng					

(*): Số lượng cổ phiếu sở hữu căn cứ theo Danh sách cổ đông Tổng công ty có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 chốt ngày 15/03/2023; Tỷ lệ % được tính giữa số lượng cổ phiếu sở hữu trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Bằng văn bản này tôi/chúng tôi tự ứng cử/cùng nhất trí đề cử (các) ông, bà có tên dưới đây là ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát (BKS) Tổng công ty Nhiệm kỳ 2023-2028 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Thông tin ứng cử viên ứng cử/được đề cử:

STT	Họ và tên người ứng cử/được đề cử	CMND/CCCD/Hộ chiếu (Số, Nơi cấp, Ngày cấp)	Trình độ chuyên môn

Tôi/Chúng tôi xin cam đoan có đủ điều kiện để được đề cử ứng viên/tự ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy định về đề cử, ứng cử ứng cử viên để bầu vào BKS và Quy làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty.

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty cổ phần ghi nhận danh sách ứng cử viên bầu vào BKS của cổ đông/nhóm cổ đông nêu trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ kèm theo:
- *03 Bản cung cấp thông tin do ứng viên tự khai (theo mẫu của Tổng công ty);*
- *Bản sao công chứng CMND/CCCD/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú và các văn bản, chứng chỉ chuyên môn khác;*
- *Giấy ủy quyền (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);*

....., ngày ..... tháng .....năm 2023
CỔ ĐÔNG/CÁC CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1) Họ và tên:
2) Giới tính:
3) Ngày, tháng, năm sinh:
4) Nơi sinh:
5) Số CMND/CCCD/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:
6) Quốc tịch:
7) Dân tộc:
8) Địa chỉ thường trú:
9) Trình độ chuyên môn:
10) Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
11) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

12) Số cổ phiếu EMS nắm giữ: ..... cổ phiếu, chiếm .....% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện ..... sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm .....% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm .....% vốn điều lệ.

13) Các cam kết nắm giữ (nếu có):
14) Danh sách người có liên quan của người khai:

Họ và tên/Tên tổ chức có liên quan (*)	Chức vụ tại EMS (nếu có)	Mối quan hệ với người khai	GCNĐKKD/ CMND/HC (Số, ngày cấp, nơi cấp)	Địa chỉ liên hệ/ Trụ sở chính	Sở hữu cổ phiếu EMS		Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người khai
					Số lượng	Tỷ lệ	

(*): Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

(i) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

(ii) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

(iii) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

(iv) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

15) Lợi ích liên quan tới EMS và các bên có liên quan của EMS (nếu có):

16) Quyền lợi mâu thuẫn với EMS (nếu có):

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

Bản cung cấp thông tin này được lập để hoàn thiện hồ sơ đề cử/ứng cử vào vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần (EMS) và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định. Trong trường hợp trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định có liên quan của EMS và pháp luật trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

....., ngày .....tháng ..... năm 2023

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY
CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN

Số: /NQ-ĐHĐCĐ/EMS

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS/Tổng công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 28/04/2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần ngày 21/04/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần với một số nội dung chủ yếu:

1.1 Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022		
		KH 2022	% so TH2021	TH 2022	% so TH 2021	% so KH 2022
I	**Tổng doanh thu**	**3,360,000**	**134.36%**	**2,243,492**	**89.72%**	**66.77%**
II	**Tổng chi phí**	**3,270,500**	**135.47%**	**2,153,961**	**89.22%**	**65.86%**
III	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**89,500**	**103.60%**	**89,531**	**103.63%**	**100.04%**
IV	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**71,400**	**104.93%**	**71,348**	**104.85%**	**99.93%**
V	Tỷ lệ cổ tức	10%	100.00%	20%	200.00%	200.00%
VI	Vốn chủ sở hữu (*)	236,583	115.96%	236,579	116.0%	100.00%
VII	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH	30.18%	90.55%	30.16%	90.42%	99.93%

** Ghi chú: Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu được xác định theo quy định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, bao gồm Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411), Quỹ đầu tư phát*

triển (Mã số 418), Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 422). Chỉ tiêu này được xác định theo số cuối kỳ tại Bảng cân đối kế toán trên Báo cáo tài chính.

1.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Tổng doanh thu: 2,650 tỷ đồng, tăng 18.12% so với tổng doanh thu thực hiện năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế: 90 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 71.75 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 30.21%.
- Tỷ lệ cổ tức: 10%/cổ phần.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 với một số nội dung chủ yếu sau:

2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	**Tổng Doanh thu**	**2,500,664**	**2,243,492**	**89.72%**
1.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,495,606	2,235,889	89.59%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	4,776	7,372	154.37%
1.3	Thu nhập khác	283	231	81.64%
2	**Chi phí**	**2,414,273**	**2,153,961**	**89.22%**
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**86,392**	**89,531**	**103.63%**
4	**Tỷ lệ cổ tức**	**10%**	**20%**	**200.00%**

2.2 Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ% 2023/2022
1	**Tổng Doanh thu**	**2,243,492**	**2,650,000**	**118.12%**
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,235,889	2,645,100	118.30%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	7,372	4,500	61.04%
1.3	Thu nhập khác	231	400	173.16%
2	**Chi phí**	**2,153,961**	**2,560,000**	**118.85%**
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**89,531**	**90,000**	**100.52%**
4	**Tỷ lệ cổ tức**	**20%**	**10%**	**50.00%**

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS)

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số ...../BKS-2023 ngày ...../04/2023 đính kèm).

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty EMS.
- Uỷ quyền cho Tổng giám đốc thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty EMS.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

5.1 Một số chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
1	**Tổng tài sản**	**819,761**	**726,565**
2	**Vốn chủ sở hữu**	**272,077**	**308,650**
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	179,998	209,994
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	24,029	26,585
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68,050	72,071

5.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cách tính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**	**(a)**	**2,495,606**	**2,235,889**	**89.59%**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(b)	-	-	
3	Doanh thu thuần	(c=a-b)	2,495,606	2,235,889	89.59%
4	**Giá vốn cung cấp dịch vụ**	**(d)**	**2,022,183**	**1,864,407**	**92.20%**
5	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**	**(e=c-d)**	**473,423**	**371,482**	**78.47%**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	(f)	4,776	7,372	154.36%
7	Chi phí tài chính	(g)	1,778	2,650	149.01%
8	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	(h)	390,311	286,641	73.44%

9	**Lợi nhuận hoạt động kinh doanh**	**(i=e+f-g-h)**	**86,109**	**89,564**	**104.01%**
10	Thu nhập khác	(k1)	283	231	81.54%
11	Chi phí khác	(k2)	-	263	-
12	Lợi nhuận khác	(k=k1-k2)	283	-32	-11.45%
13	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	(l=i+k)	**86,392**	**89,531**	**103.63%**
14	Thuế TNDN hiện hành	(m)	18,344	18,184	99.13%
15	**Lợi nhuận sau thuế**	(p=l-m)	**68,047**	**71,348**	**104.85%**

(Chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đính kèm).

Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
1	**Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022**	**89,531,388,074**	**(a)**	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,183,880,220	(b)	
3	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022	71,347,507,854	(c=a-b)	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2021	723,445,482	(d)	
5	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2022**	**72,070,953,336**	**(e=c+d)**	
5.1	Trả thù lao cho HĐQT và BKS	501,120,000	(f)	Theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 của ĐHĐCĐ TCT EMS.
5.2	Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 20%/cổ phần thực tế lưu hành	41,998,880,000	(g) = 20% x 20,999,440 x 10,000	Tăng thêm 10% so với Tỷ lệ cổ tức kế hoạch năm 2022 (10%) đã được ĐHĐCĐ TCT EMS thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022.
5.3	**Lợi nhuận còn lại**	**29,570,953,336**	**(h=e-f-g)**	
a	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành bằng 1.0 tháng lương bình quân thực hiện của cán bộ quản lý	363,700,000	(i)	Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2022 của TCT EMS và Quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.
b	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 1.0 tháng lương thực hiện của CBCNV	28,245,000,000	(j)	
c	Trích Quỹ đầu tư phát triển	962,253,336	(k)=(h-i-j)	

Điều 7. Thông qua thù lao, tiền lương HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023

7.1 Thù lao, tiền lương HĐQT và BKS thực hiện năm 2022

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2022		Thực hiện năm 2022	
		Số lượng (người)	Số tiền (đồng)	Số lượng bình quân thực hiện (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)
I	**Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm**		**673,920,000**		**501,120,000**
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000	0.3	11,880,000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	9,720,000	2.3	9,720,000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000	2	7,560,000
II	**Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách**	**1**	**44,250,000**	**1**	**37,500,000**

7.2 Mức thù lao, tiền lương của HĐQT và BKS kế hoạch năm 2023

TT	Chức danh	Đề xuất KH năm 2023	
		Số lượng (người)	Thù lao BQ (đồng/người/tháng)
I	**Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm**		**414,720,000**
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	2	9,720,000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000
II	**Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách**	**1**	**37,500,000**

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số ..../TTr-HĐQT.V tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày ..../04/2023 đính kèm).

Điều 8. Thông qua Phương án sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS

8.1 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty EMS như sau:

- Bổ sung thêm 23 ngành nghề kinh doanh liên quan các dịch vụ phân phối, bán buôn, bán lẻ hàng hóa *(chi tiết tại Phụ lục 01 Tờ trình số 08/TTr-HĐQT.V tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/04/2023 đính kèm).*
- Bỏ chi tiết ngành nghề đối với mã ngành 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *(chi tiết tại Phụ lục 02 Tờ trình số 08/TTr-HĐQT.V tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/04/2023 đính kèm).*

8.2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty liên quan đến nội dung điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty.

8.3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty thực hiện thủ tục điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật; cập nhật nội dung liên quan đến điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào Điều lệ Tổng công ty, các giấy tờ/văn bản liên quan theo quy định của Pháp luật; và thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc điều chỉnh và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty EMS

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm d, Khoản 1, Điều 1. Giải thích thuật ngữ	d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm**;
2	Khoản 1, Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông dự họp thông qua**.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp thông qua**.
3	Khoản 1, Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung
		sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.	có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
4	Khoản 2, Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.
5	Điểm g, Khoản 1, Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên **tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp**;	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng **trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp**;

Điều 10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị cũ sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm c, Khoản 1, Điều 2. Giải thích thuật ngữ	c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm**;

2	Tiết (vii), điểm a, Khoản 12, Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	(vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên **tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp**;	(vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng **trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp**;
3	Khoản 1, Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông dự họp tán thành** trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Tổng công ty: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
4	Khoản 2, Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều	2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của **tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định

		này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.	tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.
5	Khoản 2, Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.**

Điều 11. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi, bổ sung
1	Điểm j, Khoản 1, Điều 1. Các định nghĩa	j) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	j) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm**;
2	Khoản 2, Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp **nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy

STT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT sau khi sửa đổi, bổ sung
		điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.**

Điều 12. Bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần Nhiệm kỳ (2023-2028)

Danh sách thành viên trúng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS Nhiệm kỳ (2023 – 2028) bao gồm 03 thành viên:

1. Ông/Bà .....
2. Ông/Bà .....
3. Ông/Bà .....

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty EMS.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

TM/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:
- UBCKNN, HNX, Cổ đông (để báo cáo),
- TV.HĐQT; Ban Tổng giám đốc (để t/hiện),
- Ban kiểm soát (để giám sát),
- Lưu HĐQT.

Nguyễn Xuân Lam